

DANH SÁCH HỌC SINH LỚP 1.1 - NĂM HỌC 2024-2025
TIẾNG ANH TÍCH HỢP

GVCN: NGUYỄN THỊ LỆ LIỄU

STT	Lớp	Họ tên		Ngày sinh	Giới tính	Ghi chú
1	1.1	Châu Phúc	An	15/10/2018	Nam	
2	1.1	Bùi Trương Lan	Anh	25/04/2018	Nữ	
3	1.1	Nguyễn Hoàng Trâm	Anh	09/10/2018	Nữ	
4	1.1	Đỗ Hà	Anh	14/07/2018	Nữ	
5	1.1	Hoàng Thy	Anh	01/04/2018	Nữ	
6	1.1	Ngô Hải	Anh	30/8/2018	Nam	
7	1.1	Nguyễn Hữu	Bách	22/12/2018	Nam	
8	1.1	Lê Trần Diệp	Chi	20/12/2018	Nữ	
9	1.1	Nguyễn Minh	Đăng	08/12/2018	Nam	
10	1.1	Hoàng Anh	Đức	18/09/2018	Nam	
11	1.1	Lê Duy	Hưng	14/03/2018	Nam	
12	1.1	Nguyễn Bá Dương	Khang	09/04/2018	Nam	
13	1.1	Hoàng Minh	Khang	13/08/2018	Nam	
14	1.1	Trần Bảo	Khang	27/12/2018	Nam	
15	1.1	Nguyễn Anh	Khoa	19/01/2018	Nam	
16	1.1	Huỳnh Tuấn	Kiệt	16/12/2017	Nam	
17	1.1	Phan Thùy	Lâm	21/08/2018	Nữ	
18	1.1	Trần Nguyễn Trúc	Linh	09/08/2018	Nữ	
19	1.1	Phạm Nhật	Minh	05/09/2018	Nam	
20	1.1	Lê Ngọc Phương	Nghi	14/07/2018	Nữ	
21	1.1	Trương Thị Kim	Ngọc	01/01/2018	Nữ	
22	1.1	Lê Công	Nguyên	10/10/2018	Nam	
23	1.1	Trần Thiện	Nhân	07/12/2018	Nam	
24	1.1	Trần Yên	Như	07/12/2018	Nữ	
25	1.1	Lý Nhất	Phạm	06/02/2018	Nam	
26	1.1	Võ Nguyễn Linh	Phi	27/10/2018	Nữ	
27	1.1	Huỳnh Ngọc Thiên	Phúc	18/08/2018	Nữ	
28	1.1	Tạ Hồng	Phúc	18/08/2018	Nữ	
29	1.1	Trần Hoàng	Quân	08/09/2018	Nam	
30	1.1	Trần Đình	Quân	02/10/2018	Nam	
31	1.1	Nguyễn Vũ Nhật	Quỳnh	18/01/2018	Nữ	
32	1.1	Huỳnh Tuệ Anh	Thư	16/12/2017	Nữ	
33	1.1	Nguyễn Khắc	Tiến	14/01/2018	Nam	
34	1.1	Nguyễn Trương Minh	Triết	09/02/2018	Nam	
35	1.1	Lê Ngọc	Tú	26/07/2018	Nữ	
36	1.1	Văn Nhã	Uyên	21/11/2018	Nữ	

DANH SÁCH HỌC SINH LỚP 1.2 - NĂM HỌC 2024-2025

TIẾNG ANH TÍCH HỢP

GVCN: NGUYỄN THỊ HẢO

STT	Lớp	Họ tên		Ngày sinh	Giới tính	Ghi chú
1	1.2	Nguyễn Đức	Anh	19/07/2018	Nam	
2	1.2	Trương Hoàng Mỹ	Anh	27/06/2018	Nữ	
3	1.2	Lê Huỳnh Diệp	Anh	25/11/2018	Nữ	
4	1.2	Lý Nhật Minh	Anh	11/10/2018	Nữ	
5	1.2	Phạm Gia	Bảo	15/02/2018	Nam	
6	1.2	Hoàng Thanh	Bình	11/09/2018	Nam	
7	1.2	Phạm Tiến	Đạt	22/04/2018	Nam	
8	1.2	Phạm Khởi Hân	Di	12/09/2018	Nữ	
9	1.2	Nguyễn Minh	Đức	18/09/2018	Nam	
10	1.2	Trần Khả	Hân	16/06/2018	Nữ	
11	1.2	Nguyễn Gia	Hưng	12/11/2018	Nam	
12	1.2	Nguyễn Phúc	Huy	18/03/2018	Nam	
13	1.2	Nguyễn Thái	Khang	20/02/2018	Nam	
14	1.2	Nguyễn Lê Minh	Khôi	17/11/2018	Nam	
15	1.2	Đàm Duy	Khôi	15/11/2018	Nam	
16	1.2	Lưu Mai	Khuê	02/03/2018	Nữ	
17	1.2	Đinh Hoàng	Khuong	21/02/2018	Nam	
18	1.2	Đinh Hoàng Bảo	Lam	21/02/2018	Nữ	
19	1.2	Nguyễn Diệp Tú	Linh	10/07/2018	Nữ	
20	1.2	Vũ Phạm Hồng	Minh	20/11/2018	Nữ	
21	1.2	Lâm Nhật	Minh	28/10/2018	Nam	
22	1.2	Trần Tiểu	My	16/11/2018	Nữ	
23	1.2	Vũ Hồng	Ngân	14/04/2018	Nữ	
24	1.2	Trần Nguyễn Khôi	Nguyên	02/07/2018	Nam	
25	1.2	Phan Tâm	Nhi	23/06/2018	Nữ	
26	1.2	Bùi Mộc	Nhiên	21/06/2018	Nữ	
27	1.2	Đào Thiên	Phúc	30/11/2018	Nam	
28	1.2	Nguyễn Minh	Phương	14/06/2018	Nam	
29	1.2	Tổng Hải	Sơn	11/10/2018	Nam	
30	1.2	Phạm Quốc	Thắng	16/11/2018	Nam	
31	1.2	Lê Giang	Thanh	15/06/2018	Nữ	
32	1.2	Phạm Minh	Thư	06/07/2018	Nữ	
33	1.2	Hoàng Minh	Tuệ	28/07/2018	Nam	
34	1.2	Trương Vy	Uyên	05/11/2018	Nữ	
35	1.2	Võ Ngọc Tường	Vy	04/01/2018	Nữ	

DANH SÁCH HỌC SINH LỚP 1.3 - NĂM HỌC 2024-2025
TIẾNG ANH TÍCH HỢP

GVCN: HỒ THỊ THANH HƯƠNG

STT	Lớp	Họ tên		Ngày sinh	Giới tính	Ghi chú
1	1.3	Nguyễn Lê Vy	An	11/02/2018	Nữ	
2	1.3	Phạm Minh	An	05/11/2018	Nữ	
3	1.3	Lâm Thoại	Anh	20/11/2018	Nữ	
4	1.3	Vũ Hà	Anh	15/09/2018	Nữ	
5	1.3	Nguyễn Phương Tuệ	Anh	05/02/2018	Nữ	
6	1.3	Đỗ Phạm Tú	Anh	19/08/2018	Nữ	
7	1.3	Đào Nguyễn Thành	Công	07/03/2018	Nam	
8	1.3	Trần Thành	Đạt	23/05/2018	Nam	
9	1.3	Ngô Phúc	Điện	04/11/2018	Nam	
10	1.3	Nguyễn Đức	Duy	18/09/2018	Nam	
11	1.3	Lê Nguyễn Gia	Hân	04/02/2018	Nữ	
12	1.3	Lê Minh	Hưng	02/10/2018	Nam	
13	1.3	Nguyễn Xuân	Hưng	20/03/2018	Nam	
14	1.3	Lê Quang	Hưng	26/04/2018	Nam	
15	1.3	Đào Duy	Hưng	29/04/2018	Nam	
16	1.3	Phùng Tấn	Khoa	26/07/2018	Nam	
17	1.3	Phạm Thiên	Khôi	11/05/2018	Nam	
18	1.3	Phan Tuấn	Kiệt	02/02/2018	Nam	
19	1.3	Hà Tuệ	Linh	18/12/2018	Nữ	
20	1.3	Phạm Phương	Linh	03/04/2018	Nữ	
21	1.3	Vũ Hải	Minh	23/07/2018	Nam	
22	1.3	Nguyễn Viết Nhật	Minh	03/06/2018	Nam	
23	1.3	Lê Phương Bảo	Ngọc	03/10/2018	Nữ	
24	1.3	Đỗ Linh	Nhi	06/11/2018	Nữ	
25	1.3	Phùng Nguyễn Khánh	Nhiên	26/07/2018	Nữ	
26	1.3	Nguyễn Gia Thiên	Phúc	30/09/2018	Nam	
27	1.3	Huỳnh Công	Phúc	18/06/2018	Nam	
28	1.3	Trương Đình	Quân	29/08/2018	Nam	
29	1.3	Nguyễn Phước	Quang	22/07/2018	Nam	
30	1.3	Dương Minh	Triết	20/02/2018	Nam	
31	1.3	Trần Nguyên	Triết	25/03/2018	Nam	
32	1.3	Lưu Ngọc Thanh	Trúc	29/12/2018	Nữ	
33	1.3	Đặng Thiên	Tú	31/05/2018	Nữ	
34	1.3	Trần Khánh	Vỹ	20/03/2018	Nam	
35	1.3	Nguyễn Ngọc Thiên	Ý	20/02/2018	Nữ	

DANH SÁCH HỌC SINH LỚP 1.4 - NĂM HỌC 2024-2025
TIẾNG ANH TOÁN KHOA iSMART
GVCN: NGUYỄN HOÀNG THÚY VI

STT	Lớp	Họ tên		Ngày sinh	Giới tính	Ghi chú
1	1.4	Nguyễn Đức	An	01/08/2018	Nam	
2	1.4	Nguyễn Tuấn	An	26/07/2018	Nam	
3	1.4	Trần Phương	Anh	02/05/2018	Nữ	
4	1.4	Nguyễn Tuấn	Anh	29/12/2017	Nam	
5	1.4	Nguyễn Hoàng Trâm	Anh	13/12/2018	Nữ	
6	1.4	Trần Quốc	Bảo	13/08/2018	Nam	
7	1.4	Lương Ngọc Minh	Đan	09/12/2018	Nữ	
8	1.4	Đỗ Thành	Đạt	02/08/2018	Nam	
9	1.4	Thi Nguyễn Quỳnh	Giang	16/02/2018	Nữ	
10	1.7	Ngô Hoàng Gia	Hân	25/11/2018	Nữ	
11	1.4	Lưu Gia	Hân	03/03/2018	Nữ	
12	1.4	Trần Minh	Hiếu	11/09/2018	Nam	
13	1.4	Nguyễn Quốc	Huy	11/11/2018	Nam	
14	1.4	Lê Đình An	Khải	11/03/2018	Nam	
15	1.4	Nguyễn Mã Phúc	Khang	29/08/2018	Nam	
16	1.4	Nguyễn Thành Gia	Khiêm	21/04/2018	Nam	
17	1.4	Vũ Đăng	Khoa	16/03/2018	Nam	
18	1.4	Bùi Minh	Khôi	04/04/2018	Nam	
19	1.4	Phan Hồ Hoàng	Kim	20/09/2018	Nữ	
20	1.4	Võ Gia	Linh	02/06/2018	Nữ	
21	1.4	Nguyễn Đỗ Tuấn	Minh	08/10/2018	Nam	
22	1.4	Phạm Anh	Minh	12/09/2018	Nam	
23	1.4	Nguyễn Ngọc Thảo	My	04/01/2018	Nữ	
24	1.4	Nguyễn Vũ Huyền	My	15/08/2018	Nữ	
25	1.4	Nguyễn Thành	Nam	20/03/2018	Nam	
26	1.4	Đỗ Ngọc Thiên	Ngân	01/11/2018	Nữ	
27	1.4	Nguyễn Danh Thiện	Ngôn	21/07/2018	Nam	
28	1.4	Lê Thiện	Nhân	28/03/2018	Nam	
29	1.4	Lâm An	Nhiên	05/12/2018	Nữ	
30	1.4	Huỳnh Hoàng Gia	Phúc	04/07/2018	Nam	
31	1.4	Nguyễn Huỳnh Thiên	Phước	14/03/2018	Nam	
32	1.4	Trần Ngọc Uyên	Phương	28/09/2018	Nữ	
33	1.4	Nguyễn Hoàng	Quân	12/12/2018	Nam	
34	1.4	Lâm Bảo	Thanh	02/09/2018	Nữ	
35	1.4	Lâm Hữu	Thiện	25/09/2018	Nam	
36	1.4	Lê Thành Ngọc	Thương	03/06/2018	Nữ	
37	1.4	Võ Diệu Minh	Thy	18/12/2018	Nữ	
38	1.4	Nguyễn Lê Minh	Trí	13/11/2018	Nam	
39	1.4	Phạm Lê Thanh	Trúc	18/11/2018	Nữ	
40	1.4	Nguyễn Mỹ Ngọc	Tú	15/07/2018	Nữ	
41	1.4	Nguyễn Lữ Hoàng	Tuấn	15/10/2018	Nam	
42	1.4	Phạm Minh	Tùng	06/02/2018	Nam	

DANH SÁCH HỌC SINH LỚP 1.5 - NĂM HỌC 2024-2025
TIẾNG ANH TOÁN KHOA iSMART
GVCN: NGUYỄN THỊ BẢO NGÂN

STT	Lớp	Họ tên		Ngày sinh	Giới tính	Ghi chú
1	1.5	Nguyễn Hoàng Khánh	An	21/07/2018	Nữ	
2	1.5	Đặng Tuấn	An	31/03/2018	Nam	
3	1.5	Trương Vy	Anh	19/04/2018	Nữ	
4	1.5	Trần Bảo	Anh	23/06/2018	Nữ	
5	1.5	Nguyễn Cao Gia	Bảo	24/06/2018	Nam	
6	1.5	Trần Gia	Bình	06/10/2018	Nam	
7	1.5	Võ Phương	Di	08/10/2018	Nam	
8	1.5	Nguyễn Ngọc	Diệp	05/03/2018	Nữ	
9	1.5	Trương Huỳnh Thái	Dương	26/02/2018	Nam	
10	1.5	Bùi Thanh	Hà	27/12/2018	Nữ	
11	1.5	Kiều Tuấn	Hưng	16/04/2018	Nam	
12	1.5	Nguyễn Hoàng Minh	Huy	08/09/2018	Nam	
13	1.5	Phan Minh	Khang	24/12/2018	Nam	
14	1.5	Lâm Minh	Khang	18/03/2018	Nam	
15	1.5	Phạm Lê Kim	Khánh	04/03/2018	Nữ	
16	1.5	Nguyễn Tiến	Khoa	03/12/2018	Nam	
17	1.5	Trần Đăng	Khoa	23/03/2018	Nam	
18	1.5	Trần Minh	Khôi	03/05/2018	Nam	
19	1.5	Huỳnh	Lam	13/05/2018	Nữ	
20	1.5	Nguyễn Ngọc Khánh	Linh	25/03/2018	Nữ	
21	1.5	Hoàng Bảo	Long	31/03/2018	Nam	
22	1.5	Nguyễn Nhật	Minh	02/12/2018	Nam	
23	1.5	Trần Khánh	My	24/07/2018	Nữ	
24	1.5	Mai Hoàng Bảo	Ngọc	06/11/2018	Nữ	
25	1.5	Nguyễn Vũ Đan	Nguyên	03/03/2018	Nam	
26	1.5	Đỗ Thiện	Nhân	08/05/2018	Nam	
27	1.5	Trần Nguyễn Hoàng	Nhung	06/09/2018	Nữ	
28	1.5	Dương Gia	Phát	21/11/2018	Nam	
29	1.5	Nguyễn Tấn	Phúc	05/06/2018	Nam	
30	1.5	Lê Nguyễn Thanh	Phượng	14/01/2018	Nữ	
31	1.5	Nguyễn Minh	Quân	27/11/2018	Nam	
32	1.5	Lê Bá	Quảng	29/09/2018	Nam	
33	1.5	Trương Mai	Thi	30/05/2018	Nữ	
34	1.5	Nguyễn Trần Hữu	Thiện	07/09/2018	Nam	
35	1.5	Lê Minh	Thịnh	23/1/2018	Nam	
36	1.5	Lê Minh	Thuận	23/1/2018	Nam	
37	1.5	Nguyễn Hoàng Bảo	Trân	07/12/2018	Nữ	
38	1.5	Nguyễn Hoàng Anh	Tuấn	20/12/2018	Nam	
39	1.5	Nur Alisa Bee	Vi	12/10/2018	Nữ	
40	1.5	Trần Quốc	Việt	25/02/2018	Nam	
41	1.5	Trần Bảo	Vy	16/12/2018	Nữ	
42	1.5	Phan Ngọc Như	Ý	07/09/2018	Nữ	

DANH SÁCH HỌC SINH LỚP 1.6 - NĂM HỌC 2024-2025
TIẾNG ANH TOÁN KHOA iSMART

GVCN: TẠ HÀ ANH THƯ

STT	Lớp	Họ tên		Ngày sinh	Giới tính	Ghi chú
1	1.6	Vũ Đăng An	An	11/01/2018	Nữ	
2	1.6	Nguyễn Quốc	An	09/08/2018	Nam	
3	1.6	Phạm Ngọc Trâm	Anh	29/05/2018	Nữ	
4	1.6	Nguyễn Ngọc Mỹ	Anh	03/08/2018	Nữ	
5	1.6	Lại Phương	Anh	16/10/2018	Nữ	
6	1.6	Phạm Lê Phúc	Bảo	12/08/2018	Nam	
7	1.6	Nguyễn Trương Gia	Bảo	29/03/2018	Nam	
8	1.6	Vũ Đăng Thanh	Bình	11/01/2018	Nam	
9	1.6	Lê Lan	Chi	08/06/2018	Nữ	
10	1.6	Trương Khánh	Đăng	22/05/2018	Nam	
11	1.6	Nguyễn Bảo	Đồng	27/01/2018	Nữ	
12	1.6	Nguyễn Trí	Dũng	14/06/2018	Nam	
13	1.6	Trương Lê Khả	Hân	20/07/2018	Nữ	
14	1.6	Đặng Đình Chấn	Hung	27/11/2018	Nam	
15	1.6	Nguyễn Minh	Khang	24/06/2018	Nam	
16	1.6	Nguyễn Huỳnh Minh	Khang	01/10/2018	Nam	
17	1.6	Nguyễn Phan Gia	Khang	14/09/2018	Nam	
18	1.6	Nguyễn Tất	Khoa	08/12/2018	Nam	
19	1.6	Trần Nguyễn Minh	Khôi	24/12/2018	Nam	
20	1.6	Trần Khánh Mộc	Lam	22/09/2018	Nữ	
21	1.6	Phạm Kim	Long	20/12/2018	Nam	
22	1.6	Lê Ngọc Trúc	Ly	30/11/2018	Nữ	
23	1.6	Vũ Anh	Minh	11/08/2018	Nam	
24	1.6	Lê Đức Thiện	Minh	30/06/2018	Nam	
25	1.6	Đặng Đức	Minh	13/03/2018	Nam	
26	1.6	Võ Ngọc Hà	My	08/10/2018	Nữ	
27	1.6	Nguyễn Xuân	Nghĩa	15/12/2017	Nam	
28	1.6	Nguyễn Thanh	Nguyên	18/12/2018	Nam	
29	1.6	Nguyễn Hoàng Linh	Nhi	30/11/2018	Nữ	
30	1.6	Lê Thiên	Phúc	19/09/2018	Nam	
31	1.6	Nguyễn Nhã	Phương	09/07/2018	Nữ	
32	1.6	Phạm Thanh Nhã	Phương	22/09/2018	Nam	
33	1.6	Hoàng Trọng Đông	Quân	14/05/2018	Nam	
34	1.6	Tôn Anh	Quân	28/05/2018	Nam	
35	1.6	Nguyễn Trúc	Quỳnh	16/07/2018	Nữ	
36	1.6	Lê Thanh	Thiện	02/11/2018	Nam	
37	1.6	Đào Lê Bảo	Thịnh	10/10/2018	Nam	
38	1.6	Nguyễn Anh	Thư	25/12/2018	Nữ	
39	1.6	Nguyễn Phúc Bội	Trần	19/05/2017	Nữ	
40	1.6	Bùi Anh	Tuấn	18/02/2018	Nam	
41	1.6	Nguyễn Ngọc Gia	Tuệ	22/01/2018	Nữ	
42	1.6	Trương Quang	Vinh	09/09/2018	Nam	
43	1.6	Nguyễn Ngọc	Vy	14/11/2018	Nữ	
44	1.6	Trần Ngọc Khả	Như	10/10/2018	Nữ	

DANH SÁCH HỌC SINH LỚP 1.7 - NĂM HỌC 2024-2025
TIẾNG ANH TOÁN KHOA iSMART

GVCN: NGUYỄN HOÀNG THANH NGUYỄN

STT	Lớp	Họ tên		Ngày sinh	Giới tính	Ghi chú
1	1.7	Lê Minh Gia	An	19/11/2018	Nữ	
2	1.7	Thềm Hoàng Thanh	An	23/11/2018	Nữ	
3	1.7	Đinh Thiên	Ân	10/03/2018	Nam	
4	1.7	Trần Hà Phương	Anh	19/03/2018	Nữ	
5	1.7	Phạm Võ Minh	Bảo	23/07/2018	Nam	
6	1.7	Đặng Mai	Chi	19/09/2018	Nữ	
7	1.7	Nguyễn Minh	Đăng	23/04/2018	Nam	
8	1.7	Huỳnh Nguyễn Thiên	Dung	03/02/2018	Nữ	
9	1.7	Đào Thanh	Duy	10/02/2018	Nam	
10	1.7	Phạm Ánh	Dương	03/10/2018	Nữ	
11	1.7	Ngô Hoàng Gia	Hân	25/11/2018	Nữ	
12	1.7	Đoàn Đức	Huy	08/06/2018	Nam	
13	1.7	Nguyễn Quang	Khải	16/07/2018	Nam	
14	1.7	Lê Minh	Khang	06/11/2018	Nam	
15	1.7	Trương Quốc	Khánh	02/02/2018	Nam	
16	1.7	Nguyễn Đăng	Khoa	21/12/2018	Nam	
17	1.7	Lâm Đăng	Khoa	09/11/2018	Nam	
18	1.7	Dương Anh	Khoa	18/12/2017	Nam	
19	1.7	Nguyễn Anh	Khoa	05/11/2018	Nam	
20	1.7	Nguyễn Đăng	Khôi	21/12/2018	Nam	
21	1.7	Huỳnh Tuấn	Kiệt	26/07/2018	Nam	
22	1.7	Nguyễn Lê Thiên	Kim	22/06/2018	Nữ	
23	1.7	Trịnh Tuệ	Lâm	21/07/2018	Nữ	
24	1.7	Lê Nguyễn Ngọc	Minh	09/07/2018	Nữ	
25	1.7	Phạm Thị Trà	My	01/01/2018	Nữ	
26	1.7	Lê Hoài Hải	Nam	25/06/2018	Nam	
27	1.7	Nguyễn Trương Hoàng	Nam	09/05/2018	Nam	
28	1.7	Pecher Danny	Nguyễn	30/10/2018	Nam	
29	1.7	Nguyễn Thành	Nhân	14/02/2018	Nam	
30	1.7	Nguyễn Thành	Nhân	19/07/2018	Nam	
31	1.7	Trần Ngọc	Nhi	27/03/2018	Nữ	
32	1.7	Trần Minh	Phong	11/02/2018	Nam	
33	1.7	Cao Xuân	Phúc	09/02/2018	Nam	
34	1.7	Phạm Thanh Nhã	Phương	07/06/2018	Nữ	
35	1.7	Nguyễn Phúc Minh	Quân	05/07/2018	Nam	
36	1.7	Đinh Minh	Quân	31/01/2018	Nam	
37	1.7	Phan Thị	Thạc	16/07/2018	Nữ	
38	1.7	Nguyễn Minh	Thy	12/05/2018	Nữ	
39	1.7	Nguyễn Trọng	Tín	06/12/2018	Nam	
40	1.7	Nguyễn Minh	Trang	14/04/2018	Nữ	
41	1.7	Trần Cao	Tuấn	19/09/2018	Nam	
42	1.7	Nguyễn Ngọc Thảo	Vy	18/07/2018	Nữ	
43	1.7	Ngô Khôi	Vỹ	09/06/2018	Nam	

DANH SÁCH HỌC SINH LỚP 1.8 - NĂM HỌC 2024-2025

TIẾNG ANH TOÁN KHOA ICLC

GVCN: LÊ PHƯƠNG THẢO

STT	Lớp	Họ tên		Ngày sinh	Giới tính	Ghi chú
1	1.8	Nguyễn Phước	An	13/11/2018	Nam	
2	1.8	Nguyễn Trần Phương	Anh	11/01/2018	Nữ	
3	1.8	Nguyễn Tuệ	Anh	06/12/2018	Nữ	
4	1.8	Trần Gia	Bảo	18/10/2018	Nam	
5	1.8	Nguyễn Thanh	Bình	07/07/2018	Nam	
6	1.8	Lê Ngọc	Diễm	29/09/2018	Nữ	
7	1.8	Trương Trung	Đức	22/05/2018	Nam	
8	1.8	Nguyễn Tiến	Dũng	19/07/2018	Nam	
9	1.8	Phạm Cao Khánh	Hà	18/03/2018	Nữ	
10	1.8	Bạch Gia	Hân	16/06/2018	Nữ	
11	1.8	Lâm Nhựt	Hào	10/01/2018	Nam	
12	1.8	Văn Hòa	Hiệp	01/10/2018	Nam	
13	1.8	Nguyễn Khánh	Hung	21/11/2018	Nam	
14	1.8	Trần Gia	Huy	08/11/2018	Nam	
15	1.8	Lê Minh	Khang	01/09/2018	Nam	
16	1.8	Võ Lê Trọng	Khang	04/03/2018	Nam	
17	1.8	Nghiêm Đức Minh	Khang	24/02/2018	Nam	
18	1.8	TRẦN THANH	KHIẾT	16/10/2018	Nữ	
19	1.8	MATSUSHTITA NGUYỄN AN	KHOA	25/09/2018	Nam	
20	1.8	Cao Nguyên	Khôi	28/10/2018	Nam	
21	1.8	Mai Trúc	Lâm	19/10/2018	Nữ	
22	1.8	Huỳnh Bảo	Long	19/08/2018	Nam	
23	1.8	Tăng Vũ	Minh	17/09/2018	Nam	
24	1.8	Nguyễn Đăng Thiên	Ngân	05/08/2018	Nữ	
25	1.8	Hoàng Khoa	Nguyên	22/10/2018	Nam	
26	1.8	Đoàn Ngọc Gia	Nhi	02/08/2018	Nữ	
27	1.8	Trần Ngọc Thảo	Nhi	25/06/2018	Nữ	
28	1.8	Diệp Kim	Như	29/10/2018	Nữ	
29	1.8	Nguyễn Châu Thành	Phát	28/11/2018	Nam	
30	1.8	Võ Hoàng	Phi	08/03/2018	Nam	
31	1.8	Cao Minh	Quân	29/08/2018	Nam	
32	1.8	Lê Nguyễn Ngọc	Quang	25/02/2018	Nam	
33	1.8	Trần Ngọc Phương	Quỳnh	20/10/2018	Nữ	
34	1.8	Nguyễn Minh	Tấn	10/12/2018	Nam	
35	1.8	Nguyễn Phúc	Thiện	29/12/2018	Nam	
36	1.8	Võ Cát Đăng	Thư	04/12/2018	Nữ	
37	1.8	Phạm Đỗ Uyên	Thư	23/03/2018	Nữ	
38	1.8	Nguyễn Thảo	Tiên	13/04/2018	Nữ	
39	1.8	Nguyễn Hiền Minh	Trúc	25/01/2018	Nam	
40	1.8	Kiều Minh	Tú	18/02/2018	Nữ	
41	1.8	Bùi Hoàng Tường	Vy	12/09/2018	Nữ	



ỦY BAN NHÂN DÂN QUẬN 7
TRƯỜNG TIỂU HỌC LƯƠNG THẾ VINH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

DANH SÁCH HỌC SINH LỚP 1.9 - NĂM HỌC 2024-2025

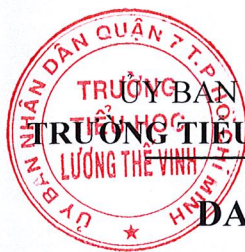
TIẾNG ANH TOÁN KHOA ICLC

GVCN: NGUYỄN PHẠM MINH QUÝ

STT	Lớp	Họ tên		Ngày sinh	Giới tính	Ghi chú
1	1.9	Nguyễn Ngọc Bảo	Anh	01/07/2018	Nữ	
2	1.9	Đỗ Nam	Anh	14/10/2018	Nam	
3	1.9	Nguyễn Gia	Bảo	08/08/2018	Nam	
4	1.9	Hà Trần Linh	Đan	14/09/2018	Nữ	
5	1.9	Bùi Nguyên	Đang	26/07/2018	Nam	
6	1.9	Đinh Ngọc	Diệp	07/06/2018	Nữ	
7	1.9	Lâm Trường	Giang	21/06/2018	Nam	
8	1.9	Trần Ngọc Trường	Giang	27/04/2018	Nam	
9	1.9	Nguyễn Ngọc Bảo	Hân	12/12/2018	Nữ	
10	1.9	Trần Ngọc Gia	Hân	20/10/2018	Nữ	
11	1.9	Phạm Hữu	Hào	16/02/2018	Nam	
12	1.9	Lương Gia	Huy	18/12/2018	Nam	
13	1.9	Trác Liễu Gia	Huy	31/01/2018	Nam	
14	1.9	Trịnh Tuấn	Hy	20/09/2018	Nam	
15	1.9	Nguyễn Duy	Khang	10/01/2017	Nam	
16	1.9	Nguyễn Tri	Khang	19/09/2018	Nam	
17	1.9	Nguyễn Ngân	Khánh	20/11/2018	Nữ	
18	1.9	Lê Nguyễn Bảo	Khánh	01/07/2018	Nữ	
19	1.9	Nguyễn Huỳnh Anh	Khoa	21/01/2018	Nam	
20	1.9	Nguyễn Tuấn	Khôi	28/09/2018	Nam	
21	1.9	Trương Thị Thùy	Linh	12/03/2018	Nữ	
22	1.9	Lê Thiên	Lộc	27/11/2018	Nam	
23	1.9	Đặng Lê	Minh	25/11/2018	Nam	
24	1.9	Lê Nguyễn Anh	Minh	13/8/2018	Nam	
25	1.9	Nguyễn Khánh	Ngân	20/04/2018	Nữ	
26	1.9	Nguyễn Thị Phương	Ngọc	24/04/2018	Nữ	
27	1.9	Nguyễn Phúc	Nguyên	07/02/2018	Nam	
28	1.9	Phan Huỳnh Khả	Như	17/10/2018	Nữ	
29	1.9	Nguyễn Đức	Phát	05/05/2018	Nam	
30	1.9	Nguyễn Lê Thiên	Phú	11/06/2018	Nam	
31	1.9	Nguyễn Hoài Thiên	Phúc	19/09/2018	Nam	
32	1.9	Tưởng Nguyên	Phương	16/11/2018	Nam	
33	1.9	Lê Văn	Quý	22/02/2018	Nam	
34	1.9	Đỗ Đan	Thanh	15/11/2018	Nữ	
35	1.9	Đồng Xuân	Thảo	29/05/2018	Nữ	
36	1.9	Nguyễn Minh	Thư	12/10/2018	Nữ	
37	1.9	Nguyễn Mỹ Thảo	Tiên	19/03/2018	Nữ	
38	1.9	Phạm Nguyễn Mạnh	Trí	20/09/2018	Nam	
39	1.9	Nguyễn Thị Thanh	Trúc	02/09/2018	Nữ	
40	1.9	Trần Ngọc Phương	Uyên	02/12/2018	Nữ	
41	1.9	Nguyễn Hoàng	Yến	15/08/2018	Nữ	

DANH SÁCH HỌC SINH LỚP 1.10 - NĂM HỌC 2024-2025
TIẾNG ANH TĂNG CƯỜNG
GVCN: TRẦN THỊ THU HOÀI

STT	Lớp	Họ tên		Ngày sinh	Giới tính	Ghi chú
1	1.10	Nguyễn Ngọc Bảo	An	29/06/2018	Nữ	
2	1.10	Lê Hoài	An	23/11/2018	Nữ	
3	1.10	Nguyễn Huỳnh Minh	Anh	01/09/2018	Nữ	
4	1.10	Nguyễn Hoàng	Anh	29/06/2018	Nữ	
5	1.10	Lương Hà Kim	Anh	08/09/2018	Nữ	
6	1.10	Nguyễn Hoàng	Bách	07/05/2018	Nam	
7	1.10	Trịnh Thanh	Bình	17/06/2018	Nam	
8	1.10	Lê Ngọc Minh	Châu	29/11/2018	Nữ	
9	1.10	Đỗ Ngọc Nhã	Đan	24/06/2018	Nữ	
10	1.10	Trần Lê Minh	Đạt	08/11/2018	Nam	
11	1.10	Vũ Hương	Di	01/08/2018	Nữ	
12	1.10	Vũ Thanh	Di	01/08/2018	Nữ	
13	1.10	Đặng Ngọc	Diệp	26/01/2018	Nữ	
14	1.10	Trần Thị Ngọc	Đoan	04/11/2018	Nữ	
15	1.10	Phạm Ánh	Dương	07/03/2018	Nữ	
16	1.10	Huỳnh Gia	Hân	08/12/2018	Nữ	
17	1.10	Võ Nguyễn Gia	Hân	20/08/2018	Nữ	
18	1.10	Vũ Ngọc Thanh	Hoài	25/04/2018	Nữ	
19	1.10	Phạm Nguyễn Minh	Hoàng	29/12/2018	Nam	
20	1.10	Châu Hoàng	Huy	21/02/2018	Nam	
21	1.10	Nguyễn Lê Tấn	Khang	20/11/2018	Nam	
22	1.10	Bùi Phạm Hoàng	Khôi	21/11/2018	Nam	
23	1.10	Phùng Tuấn	Kiệt	27/10/2018	Nam	
24	1.10	Tân Ngọc Thiên	Kim	12/07/2018	Nữ	
25	1.10	Phạm Thiên	Kim	19/08/2018	Nữ	
26	1.10	ĐỖ HẢI	LAM	01/09/2018	Nữ	
27	1.10	Phạm Gia	Lộc	27/09/2018	Nam	
28	1.10	Sa	Ly	27/05/2017	Nữ	
29	1.10	Hồ Trí	Minh	24/07/2017	Nam	
30	1.10	Nguyễn Ngọc Kim	Ngân	16/06/2018	Nữ	
31	1.10	Huỳnh Ngọc Mỹ	Ngân	09/06/2018	Nữ	
32	1.10	Vũ Minh	Ngọc	15/05/2018	Nữ	
33	1.10	Vương Tuyết	Nhi	23/07/2018	Nữ	
34	1.10	Tạ Hoàng	Phúc	29/07/2018	Nam	
35	1.10	Nguyễn Phương	Thảo	17/06/2018	Nữ	
36	1.10	Huỳnh Hoàng	Thiên	29/06/2018	Nam	
37	1.10	Trần Ngọc Thanh	Thư	10/11/2018	Nữ	
38	1.10	Nguyễn Thanh	Thuận	12/11/2018	Nam	
39	1.10	Nguyễn Quang	Tiến	23/11/2018	Nam	
40	1.10	Nguyễn Phạm Hồng	Trâm	25/11/2018	Nữ	
41	1.10	Huỳnh Thị Ngọc	Trân	23/04/2018	Nữ	
42	1.10	Nguyễn Xuân	Trọng	28/11/2018	Nam	
43	1.10	Vũ Ngọc Phương	Uyên	05/02/2018	Nữ	
44	1.10	Phạm Ngọc Như	Ý	23/04/2018	Nữ	



ỦY BAN NHÂN DÂN QUẬN 7
TRƯỜNG TIỂU HỌC LƯƠNG THẾ VINH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

DANH SÁCH HỌC SINH LỚP 1.11 - NĂM HỌC 2024-2025

TIẾNG ANH TĂNG CƯỜNG

GVCN: PHẠM THỊ QUỲNH

STT	Lớp	Họ tên		Ngày sinh	Giới tính	Ghi chú
1	1.11	Đoàn Huỳnh Bảo	Anh	03/11/2018	Nữ	
2	1.11	Nguyễn Hoàng Bảo	Anh	04/10/2018	Nữ	
3	1.11	Nguyễn Cao Tuấn	Anh	12/11/2018	Nam	
4	1.11	Mai Gia	Bảo	23/06/2018	Nam	
5	1.11	Ngô Nghiêm	Bình	16/05/2018	Nam	
6	1.11	Trần Hoà	Bình	12/04/2018	Nam	
7	1.11	Trần Ngọc Linh	Chi	11/06/2018	Nữ	
8	1.11	Nguyễn Kiều	Dung	13/05/2018	Nữ	
9	1.11	Nguyễn Minh Thùy	Dương	04/04/2018	Nữ	
10	1.11	Bùi Thị Ngọc	Hân	14/06/2018	Nữ	
11	1.11	Nguyễn Bảo	Hân	21/03/2018	Nữ	
12	1.11	Lê Nguyễn Gia	Hân	21/08/2018	Nữ	
13	1.11	Nguyễn Minh	Hiếu	07/11/2018	Nam	
14	1.11	Vũ Quốc	Huy	21/01/2018	Nam	
15	1.11	Nguyễn Phạm Hoàng	Khang	24/10/2018	Nam	
16	1.11	Nguyễn Nhật	Khang	10/01/2018	Nam	
17	1.11	Đoàn Nguyễn Bảo	Khang	08/03/2018	Nam	
18	1.11	Nguyễn Võ Anh	Khoa	23/11/2018	Nam	
19	1.11	Lê Nguyễn Đăng	Khoa	17/09/2018	Nam	
20	1.11	Nguyễn Phạm Anh	Khoa	17/01/2018	Nam	
21	1.11	Trần Đăng	Khoa	29/08/2018	Nam	
22	1.11	Nguyễn Vũ Minh	Khôi	04/01/2018	Nam	
23	1.11	Nguyễn Ngọc Thiên	Kim	22/01/2018	Nữ	
24	1.11	Lý Gia	Lạc	13/05/2018	Nam	
25	1.11	Đào Dương Hiệp	Lâm	13/03/2018	Nam	
26	1.11	Lý Khởi	Linh	04/10/2018	Nữ	
27	1.11	Nguyễn Phúc	Minh	04/05/2018	Nam	
28	1.11	Võ Ngọc Kim	Ngân	06/05/2018	Nữ	
29	1.11	Trần Đức	Nghĩa	16/04/2018	Nam	
30	1.11	Nguyễn Minh	Nhật	04/03/2018	Nam	
31	1.11	Trần Thùy	Nhi	19/07/2018	Nữ	
32	1.11	Trần Đình	Phong	05/01/2018	Nam	
33	1.11	Lê Thanh	Phú	06/04/2018	Nam	
34	1.11	Đồng Gia	Phúc	18/12/2018	Nam	
35	1.11	Nguyễn Hoàng	Phúc	26/10/2018	Nam	
36	1.11	Hồ Tiến	Phúc	08/08/2018	Nam	
37	1.11	Nguyễn Võ Thiên	Thư	14/06/2018	Nữ	
38	1.11	Lê Huỳnh Bảo	Thy	09/10/2018	Nữ	
39	1.11	Lê Trung	Tín	24/10/2018	Nam	
40	1.11	Nguyễn Lê Khánh	Trang	30/10/2018	Nữ	
41	1.11	Võ Minh	Trí	16/06/2018	Nam	
42	1.11	Nguyễn Hoàng Đức	Trọng	29/01/2018	Nam	
43	1.11	Huỳnh Ngọc Nhã	Uyên	07/06/2018	Nữ	